TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:136/2024/HNGĐ-ST
Ngày 02-12-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dư Thị Út

Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 486/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Minh H**, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau, (có mặt).

Bị đơn: Bà **Trần Mỹ H1**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Khóm C, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Minh H trình bày*: Năm 1992, ông Trần Minh H và bà Trần Mỹ H1 tự nguyện chung sống vợ chồng, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Do ông H và bà H1 lo đi làm không biết về thủ tục đăng ký kết hôn, cũng không có thời gian đi làm giấy đăng ký kết hôn, hơn nữa quá trình chung sống không hạnh phúc nên ông bà không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cự cải nhiều lần, làm cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và ông bà đã không còn chung sống khoảng 02 năm nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không có khả năng hàn gắn nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà H1. Ông H và bà H1 có 02 con chung tên Trần Anh V, sinh ngày 29/11/1994 và Trần Thanh N,

sinh ngày 18/11/1995, các con chung đã đủ tuổi trưởng thành và khoẻ mạnh phát triển bình thường nên ông H không yêu cầu giải quyết về con chung. Ông H không yêu cầu giải quyết tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Mỹ H1 trình bày*: Bà Trần Mỹ H1 và ông Trần Minh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992, từ khi sống chung cho đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống tuy không đăng kết hôn, nhưng bà H1 và ông H đã có một thời gian dài chung sống hạnh phúc và có 02 người con chung, bà H1 và ông H chỉ không chung sống khoảng 02 năm nay và ông H xin ly hôn mà không đồng ý hỗ trợ cho bà H1 200.000.000 đồng theo yêu cầu của bà H1, nên bà H1 không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H. Bà H1 và ông H có 02 con chung tên Trần Anh V, sinh ngày 29/11/1994 và Trần Thanh N, sinh ngày 18/11/1995, con chung đã đủ tuổi trưởng thành và khoẻ mạnh phát triển bình thường nên bà H1 không yêu cầu giải quyết về con chung. Bà H1 không yêu cầu giải quyết tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 14, Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Không công nhận ông Trần Minh H và bà Trần Mỹ H1 là vợ chồng. Về con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc tranh chấp "Ly hôn" giữa nguyên đơn ông Trần Minh H và bị đơn bà Trần Mỹ H1, bị đơn bà H1 đang cư trú tại khóm C, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Năm 1992, ông Trần Minh H và bà Trần Mỹ H1 tự nguyện chung sống vợ chồng, tại thời điểm chung sống với nhau cho đến nay thì ông H và bà H1 có điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, ông H có cung cấp xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau về việc ông H và bà H1 không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên ông H xin ly hôn, nhưng bà H1 không đồng ý ly hôn với ông H, do ông H không hỗ trợ số tiền 200.000.000 đồng theo mong muốn của bà H1. Hội đồng xét xử xét thấy, ông H và bà H1 chung sống mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận ông H và bà H1 là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Ông Trần Minh H và bà Trần Mỹ H1 thống nhất xác định ông bà chung sống có 02 con chung tên Trần Anh V, sinh ngày 29/11/1994 và Trần Thanh N, sinh ngày 18/11/1995, ông H có cung cấp căn cước công dân của con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung của ông H và bà H1 đã đủ tuổi trưởng thành, ông bà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà H1 thống nhất xác định không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Trần Minh H là người khởi kiện xin ly hôn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng ông H có giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí nên ông H thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp nên được Hội đồng xét xử được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận ông Trần Minh H và bà Trần Mỹ H1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Ông Trần Minh H và bà Trần Mỹ H1 thống nhất xác định có 02 con chung tên Trần Anh V, sinh ngày 29/11/1994 và Trần Thanh N, sinh ngày 18/11/1995, các con hiện nay đều đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Minh H và bà Trần Mỹ H1 không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung không có, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Minh H được miễn nộp án phí án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS Tp. Bạc liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ca Kiều Nguyệt